

Bản án số: 963/2022/DS-ST

Ngày: 31/3/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ-THÀNH PHỐ M**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Lợi

2. Bà Nguyễn Thị Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hằng Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, Thành phố M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 31 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, Thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2021/TLST- DS ngày 01 tháng 03 năm 2021, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 717/2022/QĐST-DS ngày 17/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1251/2022/QĐST – DS ngày 11/03/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Vũ Thị Ng, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 10 Đường số 33, Khu phố 2, phường BA (nay là phường AK), thành phố Đ, Thành phố M

Ông Trương Quốc B, sinh năm 1964

Địa chỉ: 264/3 NKKN, phường VTS, Quận 3, Thành phố M

Người đại diện hợp pháp của bà Vũ Thị Ng: Ông Trương Quốc B là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số công chứng: 3357, quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/7/2021).

2. Bị đơn:

Ông Trương Quang Đ, sinh năm 1973

Bà Vũ Đức Phương L, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: 141/11/11 đường TN, Khu phố 3, phường BA (nay là phường AK), thành phố Đ, Thành phố M.

Ông Trương Quốc B có mặt. Bị đơn ông Trương Quang Đ và bà Vũ Đức Phương L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn có ông Trương Quốc B trình bày:

Ngày 05/4/2014, ông Trương Quang Đ và bà Vũ Đức Phương L ký hợp đồng vay tiền với vợ chồng ông bà Vũ Thị Ng và ông Trương Quốc B. Theo hợp đồng vay, ông và bà Ng cho ông Đ và bà L vay số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích vay để đầu tư kinh doanh, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Sau khi ký hợp đồng, ngày 7/4/2014, bà Ng có chuyển qua tài khoản của ông Đ số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng (theo ủy nhiệm chi ngày 7/4/2014). Do ông Đ và bà L gặp khó khăn không trả được số tiền nợ trên nên có xin gia hạn trả số tiền vay. Ngày 5/4/2020, giữa vợ chồng ông (bà Vũ Thị Ng và ông Trương Quốc B) với ông Trương Quang Đ và bà Vũ Đức Phương L ký bản gia hạn thời gian vay, thời hạn 12 tháng kể từ ngày 5/4/2020. Đến nay, đã hết thời hạn gia hạn nhưng ông Đ và bà L không thực hiện trả số tiền vay. Do đó, bà Ng và ông khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà L thanh toán số tiền vay 1.000.000.000 (một tỷ) đồng và thanh toán số tiền lãi 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, tính từ ngày 05/11/2019 đến ngày 5/11/2020, với lãi suất thỏa thuận 15%/năm.

Ngày 17/02/2022, nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Đ và bà L thanh toán số tiền vay 1.000.000.000 (một tỷ) đồng và không yêu cầu tính lãi như đơn khởi kiện.

Bị đơn ông Trương Quang Đ trong quá trình giải quyết vụ án có lời khai trình bày: Ông xác nhận có vay của bà Vũ Thị Ng và ông Trương Quốc B số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng theo hợp đồng vay ngày 05/4/2014. Do làm ăn khó khăn nên ông và bà L có xin gia hạn thanh toán số tiền vay. Ngày 5/4/2020, giữa bà Vũ Thị Ng và ông Trương Quốc B với ông và bà Vũ Đức Phương L ký bản gia hạn thời gian vay, thời hạn 12 tháng kể từ ngày 5/4/2020. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ và cuộc sống gặp khó khăn nên ông và bà L không khả năng thanh toán số nợ 1.000.000.000 (một tỷ) đồng cho bà Ng và ông B.

Bị đơn bà Vũ Đức Phương L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của bà L đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ng, ông B.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ông Trương Quang Đ và bà Vũ Đức Phương L thanh toán số tiền vay 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

Bị đơn ông Trương Quang Đ và bà Vũ Đức Phương L vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử đã vi

phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân thành phố Đ cần rút kinh nghiệm.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Trương Quốc B và bà Vũ Thị Ng khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Trương Quang Đ và bà Vũ Đức Phương L và bị đơn cư trú tại thành phố Đ nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, Thành phố M.

Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Vũ Đức Phương L vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ông Trương Quang Đ vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù bà L và ông Đ đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ bằng việc niêm yết các văn bản tố tụng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án:

[1]. Nguyên đơn tiến hành thủ tục thông báo về việc khởi kiện nguyên đơn và việc triệu tập của Tòa án như: Cung cấp lời khai, tham dự các phiên họp, phiên tòa cho bà Vũ Đức Phương L nhưng bà L không có ý kiến phản đối. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không thuộc trường hợp phải chứng minh, bà L phải chịu trách nhiệm về yêu cầu khởi kiện và những tài liệu mà nguyên đơn đưa ra.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Trương Quốc B và bà Vũ Thị Ng yêu cầu bị đơn ông Trương Quang Đ và bà Vũ Đức Phương L trả số tiền vay 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Hợp đồng vay tiền ngày 5/4/2014 và Ủy nhiệm ngày 7/4/2014 thể hiện bà Nguyễn Thị Nguyệt và ông Trương Quốc B có cho ông Trương Quang Đ và bà Vũ Đức Phương L vay số tiền là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 5/4/2014, mục đích vay để đầu tư kinh doanh, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Ngày 5/4/2020, giữa bà Ng và ông B với ông Đ và bà L có ký bản gia hạn thời gian vay, trong đó xác định số tiền ông Đ với bà L vay là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 5/4/2020. Bị đơn ông Đ có lời khai thừa nhận có vay của bà Ng và ông B số tiền vay 1.000.000.000 (một tỷ) đồng nhưng do làm ăn thua lỗ và cuộc sống gặp khó khăn nên không khả năng thanh toán số nợ. Do đó, căn cứ vào Hợp đồng vay

tiền ngày 5/4/2014, Ủy nhiệm ngày 7/4/2014, Giấy gia hạn thời hạn vay ngày 05/4/2020 và lời khai của ông Đ xác định ông Đ và bà L có vay của bà Ng, ông B số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Đến hết ngày 5/4/2021 thì thời hạn vay đã hết nhưng phía ông Đ và bà L không thanh toán tiền vay trên nên việc bà Ng, ông Bình yêu cầu ông Đ và bà L thanh toán số tiền này là có căn cứ.

Ngày 17/02/2022, nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Đ và bà L thanh toán số tiền vay 1.000.000.000 (một tỷ) đồng và không yêu cầu tính lãi như đơn khởi kiện. Việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là sự tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên xét đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[3]. Ghi nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc rút kinh nghiệm về việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại Khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ về giải quyết nội dung vụ án là phù hợp quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; Điều 217; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 147; Điều 351; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2009/NQ-HĐTP ngày 11/01/2009 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Vũ Thị Ng và ông Trương Quốc B:

1. Buộc ông Trương Quang Đ và bà Vũ Đức Phương L có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị Ng và ông Trương Quốc B số tiền: 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ trả tiền theo quy định thì hành tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ yêu cầu thanh toán số tiền lãi 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, tính từ ngày 05/11/2019 đến ngày 5/11/2020, với lãi suất thỏa thuận 15%/năm của bà Vũ Thị Ng và ông Trương Quốc B.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 42.000.000 (bốn mươi hai triệu) đồng ông Trương Quang Đ và bà Vũ Đức Phương L phải chịu. Hoàn lại cho bà Vũ Thị Ng và ông Trương Quốc B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.250.000 (hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0028422 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ lập ngày 01/03/2021.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đ;
- THADS thành phố Đ;
- TANDTP. M;
- Các đương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Hoàng Thị Thu

